

Số: 511 /BC-UBND

Phú Quốc, ngày 27 tháng 9 năm 2022

**BÁO CÁO CÔNG KHAI
ƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH,
ĐẦU TƯ CÔNG QUÝ III NĂM 2022**

1. Tài chính Ngân sách:

a. Thu ngân sách Nhà nước:

Dự toán thu NSNN năm 2022 UBND Tỉnh giao trên địa bàn là **5.400** tỷ đồng, trong đó Thu phân cấp thành phố quản lý là **2.980** tỷ đồng (Thu tiền sử dụng đất và thuê đất là **1.676** tỷ đồng; Các khoản thu cân đối còn lại là **1.304** tỷ đồng), Thu do Cục thuế quản lý **2.420** tỷ đồng.

- Thực hiện thu NSNN ước quý 3/2022 là **833,118** tỷ đồng, đạt **61,71%** dự toán thu trên địa bàn, tăng **340,87%** so cùng kỳ. Thu phân cấp thành phố quản lý ước quý 3/2022 là **458,230** tỷ đồng, đạt **61,51%** dự toán thành phố quản lý, tăng **142,54%** so cùng kỳ. Thu do Cục thuế quản lý **371,859** đồng, đạt **61,46%** so dự toán, đạt **69,94%** so cùng kỳ.

- Trong số thu phân cấp thành phố quản lý nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất và thuê đất là **68,682** tỷ đồng, thì số thu được **303,177** tỷ đồng, đạt **93%** so dự toán, đạt **176,32%** so cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất và thuê đất ước quý 3/2022 là **68,682** tỷ đồng, đạt **16,39%** so dự toán, đạt **92,43%** so cùng kỳ; chiếm tỷ trọng **8,24%** trong tổng thu phân cấp thành phố quản lý. Thu tiền sử dụng đất ước quý 3/2022 là **26,497** tỷ đồng (Trong đó: ghi thu ghi chi **0,17** tỷ đồng), thu tiền thuê đất ước quý 3/2022 là **42,185** tỷ đồng.

b. Chi ngân sách Nhà nước:

Dự toán chi ngân sách cấp thành phố giao đầu năm 2022 là **2.323,519** tỷ đồng. Trong đó: Chi đầu tư phát triển **1.411,955** tỷ đồng (Chi XDCEB **811,955** tỷ đồng, ghi thu ghi chi **600** tỷ đồng); Chi thường xuyên **591,490** tỷ đồng; Chi cải cách tiền lương **221,658** tỷ đồng; Chi dự phòng **10,151** tỷ đồng; Chi khen thưởng **1,500** tỷ đồng; Chi bổ sung ngân sách xã **86,765** tỷ đồng.

Chi ngân sách cấp thành phố ước quý 3/2022 là **520,404** tỷ đồng, đạt **89,59%** so dự toán giao, tăng **2,92%** so với cùng kỳ, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển ước quý 3/2022 là **316,666** tỷ đồng, đạt **89,71%** so dự toán, đạt **92,13%** so cùng kỳ.

- Chi thường xuyên cấp thành phố ước quý 3/2022 là **244,363** tỷ đồng, vượt **65,25%** so dự toán giao, tăng **7,487%** so cùng kỳ.

- Chi trợ cấp ngân sách xã ước quý 3 là **9,499 tỷ đồng**, đạt **43,79%** so với dự toán, đạt **91,51%** so cùng kỳ.

- Chi khen thưởng ước quý 3 năm 2022 là **0,14 tỷ đồng**, đạt **3,7%** so dự toán, đạt **2,23%** so cùng kỳ.

- Chi dự phòng ước chi quý 3 năm 2022 là **1,100 tỷ đồng**, đạt **43,37%** so dự toán, đạt **51,10%** so cùng kỳ.

- Chi thực hiện CCTL ước quý 3/2022 là **-51,238 tỷ đồng** (do điều chỉnh nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tăng nguồn sự nghiệp y tế).

2. Đầu tư Công:

2.1. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 trên địa bàn thành phố Phú Quốc được UBND tỉnh giao là **1.093,490 tỷ đồng** (KH quý 3/2022: **273,373 tỷ đồng**), cụ thể:

STT	NỘI DUNG	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn Quý 3 năm 2022	Giải ngân Quý 3/2022	Đạt tỷ lệ % so với KH quý 3 năm 2022	Đạt tỷ lệ % so với cùng kỳ
1	Nguồn vốn XDCB Kế hoạch 2022		273.373	134.593	49,23	30,59
a	VP Kho bạc tỉnh quản lý		13.693	25.000	182,58	72,74
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	13.693	25.000	182,58	56,73
b	Kho bạc thành phố quản lý		259.680	109.593	101,49	28,37
	- Nguồn XDCB tập trung (Cân đối NS)	TT	55.244	2.289	4,14	133,39
	- Nguồn thu sử dụng đất	SDD	146.400	40.826	27,89	27,80
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW	40.875	51.888	126,94	37,33
	- Nguồn XSKT	XS	17.162	14.590	85,02	517,01
2	Nguồn vốn chuyển nguồn		98.356	132	0,13	0,21
	+ Nguồn vốn sở xố kiến thiết		856	132	15,42	
	+ Ghi thu ghi chi tiền thuê đất (tính giao)		97.500			

2.2. Nguồn vốn được phép kéo dài năm 2021 sang năm 2022: Thực hiện ước quý 3/2022 là **177,465 tỷ đồng**.

2.3. Nguồn vốn ngân sách thành phố (ghi thu ghi chi **400 tỷ đồng**): Quý 3/2022 chưa thực hiện (không có hồ sơ).

Tổng các nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố (bao gồm vốn chuyển nguồn và Ghi thu ghi chi ngân sách thành phố) là **1.886,915** tỷ đồng (KH quý 3/2022: **471,729** tỷ đồng). Giá trị cấp phát ước quý 3/2022 là **367,727** tỷ đồng, đạt **77,95 %** so kế hoạch.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách, đầu tư công quý 3 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Thành ủy thành phố;
- Lãnh đạo HĐND thành phố;
- LĐ UBND thành phố;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- LĐ TCKH thành phố;
- LĐVP; đ/c Hưng;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Quang Hưng

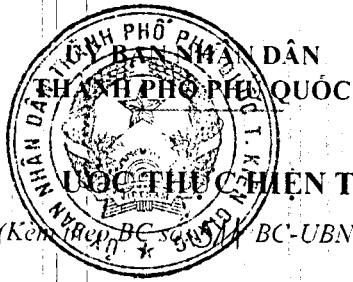


Biểu số 93/CK-NSNN
Kèm theo TT 343/2016/TT-BT
ngày 30/12/2016)

ƯỚC CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2022
(Kèm theo BC số 547/BC-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán quý	Ước thực hiện Quý 3 năm 2022	So sánh Thực hiện với (%)	
				Dự toán quý	Cùng kỳ quý (năm trước)
A	B	1	2	3=2/1	4=2/ck
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.350.000.000.000	833.118.432.282	61,71	440,87
I	Thu cân đối NSNN	745.000.000.000	458.230.387.350	61,51	242,54
1	Thu nội địa	745.000.000.000	458.230.387.350	61,51	242,54
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu		3.029.117.411		8.096,56
III	Thu cục thuế tỉnh quản lý	605.000.000.000	371.858.927.521	61,46	69,94
IV	Thu viện trợ				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	580.879.769.582	520.404.160.721	89,59	127,45
I	Tổng chi cân đối ngân sách thành phố	559.188.519.582	510.905.365.806	91,37	105,05
1	Chi đầu tư phát triển	352.988.750.000	316.666.180.181	89,71	92,13
2	Chi thường xuyên	147.872.621.869	244.362.973.485	165,25	263,11
3	Chi khen thưởng	375.000.000	13.857.000	3,70	2,23
4	Dự phòng ngân sách	2.537.750.000	1.100.529.250	43,37	51,10
5	Chi từ nguồn CCTL	55.414.397.713	(51.238.174.110)	(92,46)	(109,04)
6	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		-		
II	Chi trợ cấp ngân sách xã	21.691.250.000	9.498.794.915	43,79	81,51



Biểu số 94/CK-NSNN

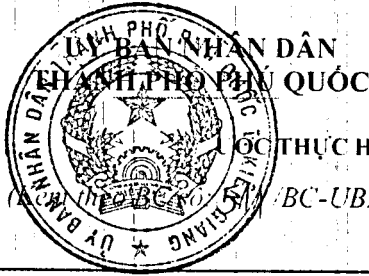
(Kèm theo TT 343 2016 TT-BTC
ngày 30.12.2016)

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo BC-SNN BC-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán quý	Ước thực hiện Quý 3 năm 2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán quý	Cùng kỳ quý (năm trước)
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.350.000.000.000	833.118.432.282	61,71	115,60
I	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu		3.029.117.411		8.096,56
II	Thu cục thuế tỉnh quản lý	605.000.000.000	371.858.927.521		69,94
III	Thu nội địa	745.000.000.000	458.230.387.350	61,51	249,00
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương	9.500.000.000	2.882.458.999	30,34	178,10
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Địa phương	3.000.000.000	2.144.498.631	71,48	88,51
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.500.000.000	3.240.002.532	92,57	661,57
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	150.000.000.000	78.846.361.215	52,56	155,99
5	Thuế thu nhập cá nhân	62.250.000.000	152.316.766.814	244,69	406,13
6	Thuế bảo vệ môi trường	50.000.000.000	35.044.647.558	70,09	1.280,72
7	Lệ phí trước bạ	26.250.000.000	43.833.648.826	166,99	501,27
8	Thu phí, lệ phí	5.500.000.000	2.944.438.304	53,54	236,74
9	Các khoản thu về nhà, đất	419.000.000.000	68.773.145.070	16,41	92,55
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		91.070.448		
-	Thu tiền sử dụng đất	244.000.000.000	26.497.269.046	10,86	61,82
	Trong đó: ghi thu ghi chi		17.306.622		
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	175.000.000.000	42.184.805.576	24,11	134,15
	Trong đó: ghi thu ghi chi				
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
11	Thu khác ngân sách	15.750.000.000	65.303.343.223	414,62	1.836,89
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
13	Thu cố định tại xã		571.979.000		123,98
14	Thu tiền cấp quyền khai thác TN khoáng sản, vùng trời, vùng biển	250.000.000	108.924.178	43,57	27,84
15	Thu đóng góp		2.220.173.000		27.372,37
IV	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	280.885.500.000	158.333.965.156		
1	Từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	117.967.500.000	77.985.950.240		
2	Các khoản thu ngân sách thành phố được hưởng 100%	162.918.000.000	80.348.014.916		



Biểu số 95/CK-NSNN

(Kèm theo TT 343 2016 TT-BTC

ngày 30/12/2016)

LỊCH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA THÀNH PHỐ QUÝ III NĂM 2022

BC-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán quý	Ước thực hiện Quý 3 năm 2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán quý	Cùng kỳ quý (năm trước)
A	B	I	3	4=3/1	6=3/ck
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	580.879.769.582	520.404.160.721	89,59	102,92
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	580.879.769.582	520.404.160.721	89,59	102,92
I	Chi đầu tư phát triển	352.988.750.000	316.666.180.181	89,71	92,13
1	Chi XDCB vốn tỉnh phân cấp	106.588.750.000	123.944.144.933	116,28	86,35
2	Chi XDCB vốn thành phố	246.400.000.000	15.257.155.116	6,19	6,99
3	Chi XDCB vốn thành phố (nguồn vốn được phép kéo dài năm 2020 sang năm 2021)		177.464.880.132		
II	Chi thường xuyên	147.872.621.869	244.362.973.485	165,25	107,48
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	58.387.580.789	55.999.711.539	95,91	155,99
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi trợ cước, trợ giá	1.750.000.000	5.750.000.000	328,57	198,28
4	Chi y tế, dân số và gia đình	13.630.918.099	79.766.718.419	585,19	101,71
5	Chi văn hóa thông tin	2.049.936.362	939.748.398	45,84	333,06
6	Chi phát thanh, truyền hình	326.840.750	153.018.564	46,82	41,48
7	Chi thể dục thể thao	139.945.625	666.700.585	476,40	
8	Chi bảo vệ môi trường	19.302.339.627	7.497.362.171	38,84	161,78
9	Chi hoạt động kinh tế	35.720.260.916	66.192.929.183	185,31	245,59
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	14.564.606.951	14.292.094.411	98,13	133,46
11	Chi bảo đảm xã hội	500.192.750	11.578.109.661	2.314,73	3.244,16
12	Chi khác	1.500.000.000	1.526.580.554	101,77	107,31
III	Chi thực hiện cải cách tiền lương	55.414.397.713	(51.238.174.110)	(92,46)	(109,04)
IV	Chi khen thưởng	375.000.000	13.857.000	3,70	2,23
V	Dự phòng ngân sách	2.537.750.000	1.100.529.250	43,37	51,10
VI	Chi hỗ trợ ngân sách xã	21.691.250.000	9.498.794.915	43,79	81,51
B	CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		123.975.944.933		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư		123.944.144.933		
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên		31.800.000		